TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS - ST
Ngày: 28 - 6 - 2023
V/v " Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản trên đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành Công.
2. Ông Trần Trung Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2022/TLST - DS ngày 25 tháng 10 năm 2022, về việc: "*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản trên đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2023/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 378/2023/QĐST- DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/Bà Phạm Thị M, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3/Bà Phạm Thị T, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4/Bà Phạm Thị L, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5/Bà Phạm Thị H, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp R (nay là Rạch R), xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Q, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị T và bà Phạm Thị L là bà Phạm Thị H, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp R (nay là Rạch R), xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị H là ông Lưu Công Đ – Luật sư Văn phòng Luật sư Lưu Công Đ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T.

Bị đơn: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/Bà Dương Thị H1, sinh năm 1954

2/Ông Phạm Văn Ú, sinh năm 1990

3/Ông Phạm Văn Chí T2, sinh năm 1996

4/Bà Phạm Thị Thanh K, sinh năm 1986

5/Ông Phạm Văn Chí L1, sinh năm 1984

6/Bà Nguyễn Thi D, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phạm Thị H và bà H là đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Q, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị T và bà Phạm Thị L có lời trình bày: Các bà là con ruột của ông Phạm Văn Q1 (chết năm 1975) và bà Nguyễn Thi N (chết năm 2015); và cũng là em ruột của ông Phạm Văn T1. Cha và mẹ các bà chết không để lại di chúc, khi còn sống thì mẹ các bà có cho ông T1 một thửa đất vườn; đối với thửa đất 346, tờ bản đồ số 09, loại đất ONT-CLN, diện tích cấp giấy 1.930m^2, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh là của mẹ các bà và do mẹ các bà (tức bà Nguyễn Thị N1) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi còn sống thì thửa đất này do mẹ các bà trực tiếp quản lý sử dụng cùng căn nhà tình nghĩa trên đất, đến khi mẹ các bà chết thì ông T1 chiếm thửa đất 346 quản lý sử dụng cho đến nay và không chia phần cho các bà; ngoài ra trên đất có căn nhà của con ông T1 cất cho vợ chồng ông T1 ở, cây trồng trên đất có dừa, chuối…do mẹ các bà trồng, còn có khu mộ của cha mẹ các bà. Năm 2022 khi Nhà nước mở đường lộ nhựa thì có dính một phần diện tích thuộc thửa đất 346 và được Nhà nước bồi hoàn số tiền 128.000.000đồng, các chị em bà cùng với ông T1 đã nhận và chia đều nhau; phần diện tích đất còn lại của thửa 346 các bà đồng ý trừ phần khu mộ và lối đi vào mộ diện tích 194,5m^2 (tức phần B) theo kết quả đo đạc; nay các bà yêu cầu chia thừa kế phần diện tích đất còn lại theo kết quả đo đạc của thửa 346 là 1.553,9m^2 (tức phần A và phần C) cho các thừa kế của bà N1 mỗi người một phần bằng nhau, các bà xin được nhận giá trị bởi vì mâu thuẫn giữa các bà với ông T1 đã gay gắt nếu nhận đất thì cũng không sử dụng được, sẽ dẫn đến xô sát gây mất trật tự ở địa phương. Các bà đồng ý giao thửa đất 346 cho ông T1 quản lý sử dụng.

Đối với phần khu mộ, lối đi vào mộ diện tích 194,5m^2 (tức phần B) thuộc thửa đất 346 và tài sản trên thửa đất 346 các bà rút lại không yêu cầu.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn T1 có lời trình bày: Ông là con ruột của ông Phạm Văn Q1 và bà Nguyễn Thị N1; và cũng là anh ruột của các nguyên đơn. Cha ông chết năm 1975, còn mẹ ông chết năm 2015. Sau khi cha ông chết thì tài sản để lại cho mẹ ông quản lý sử dụng, đến khi các em ông có gia đình và có cuộc sống tư riêng thì vợ chồng ông là người trực tiếp sống cùng nuôi dưỡng mẹ ông, sau khi mẹ ông qua đời thì ông trực tiếp quản lý thửa đất 346, tờ bản đồ số 09, loại đất ONT-CLN, diện tích cấp giấy 1.930m^2, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh cùng toàn bộ tài sản trên đất là căn nhà tình nghĩa và cây trồng trên đất; thửa đất này hiện mẹ ông (tức bà Nguyễn Thị N1) đang đứng tên quyền sử dụng đất; đối với thửa đất này do Nhà nước có dự án phóng lộ nên đã dính một phần diện tích đất nhưng cụ thể ông không nhớ rỏ và đã bồi thường số tiền là 128.000.000đồng, số tiền này thì ông đã chia đều gồm ông và các nguyên đơn mỗi người một phần bằng nhau. Nay ông không đồng ý chia thừa kế phần diện tích đất còn lại của thửa 346 theo yêu cầu của các nguyên đơn vì thửa đất này khi còn sống thì mẹ ông đã cho vợ chồng ông, nhưng chưa sang tên do ông ở chung nhà nên nghĩ thuộc quyền sử dụng của ông (và việc cho có làm giấy ủy quyền). Đối với cây trồng trên đất gồm có dừa, chuối …và một số cây trồng khác là do ông trồng, ngoài ra ông còn đầu tư tiền bơm cát trên đất nhưng không nhớ số tiền cụ thể; trên đất ngoài căn nhà tình nghĩa nhà nước cất cho mẹ ông ở trước đây thì còn có căn nhà của con ông cất cho vợ chồng ông ở.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phạm Văn Chí L1 có lời trình bày: Ông là con ruột của ông T1 và là cháu nội của bà N1, khi bà N1 còn sống thì cha mẹ ông và các anh em ông sống cùng bà N1 trên thửa đất 346, tờ bản đồ số 09, loại đất ONT-CLN, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đến khi Nhà nước cho nhà tình nghĩa cho bà N1 thì ông có bỏ công ra để phụ làm nhà, ngoài ra ông còn phụ cha ông trồng cây trên đất, bồi đắp tôn tạo vườn. Nay các cô của ông yêu cầu chia thừa kế di sản của bà N1 thì ông yêu cầu trả lại công sức của ông 30 năm mỗi ngày là 300.000đồng với số tiền 3.240.000.000đồng.

Bà Dương Thị H1 có cùng lời trình bày với ông Phạm Văn T1.

Ông Phạm Văn Ú và bà Nguyễn Thị D1 vắng mặt không có lời trình bày.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị H cho rằng: Thửa đất 346, tờ bản đồ số 09, loại đất ONT- CLN, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N1, bà N1 chết không để lại di chúc thì di sản của bà N1 được chia theo pháp luật cho các thừa kế là phù hợp với quy định của pháp luật; nay bà H khởi kiện yêu cầu chia

thừa kế là hoàn toàn có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; đối với phần diện tích đất mộ, lối đi vào mộ và tài sản trên thửa đất 346 bà H rút lại không yêu cầu giải quyết.

Vị Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như có tiến hành thu thập chứng cứ, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, cũng như gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và đưa vụ án ra xét xử; tuy nhiên vụ án còn vi phạm thời hạn xét xử cần rút kinh nghiệm. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo trình tự phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ theo quy định.

** Về nội dung vụ án:* Vị đề nghị căn cứ vào quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; Bộ Luật dân sự và các quy định pháp luật có liên quan.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Phạm Thị Q, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị H.

Công nhận diện tích 1.553,9m^2 (tức phần A và phần C) của thửa đất 346, tờ bản đồ số 09, loại đất ONT- CLN, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N1. Công nhận cho ông Phạm Văn T1 được quyền tiếp tục quản lý sử dụng phần diện tích đất này.

(Vị trí đất được thể hiện theo kết quả đo đạc của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện C tại Công văn số 84/CNHCL ngày 07 tháng 3 năm 2023 và sơ đồ khu đất kèm theo).

2. Buộc ông Phạm Văn T1 có nghĩa vụ giao lại cho bà Phạm Thị Q, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị H mỗi người với số tiền là 218.985.000đồng

3. Đối với phần diện tích 194,5m^2 (tức phần B) của thửa đất 346, tờ bản đồ số 09, loại đất ONT- CLN, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh trên đất có 03 cây dừa; đây là phần khuôn viên khu mộ và lối đi vào mộ của ông Q1, bà N1; và tài sản trên thửa đất 346 do các nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí, chi phí khảo sát và định giá: Buộc đương sự có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm trừ trường hợp không phải nộp, miễn nộp; chịu chi phí khảo sát và định giá theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay có mặt bà Phạm Thị H là nguyên đơn (và bà H là đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Q, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị T); có mặt ông Phạm Văn T1 là bị đơn; có mặt ông Phạm Văn Chí L1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Các đương sự có mặt vẫn giữ lời trình bày và yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự trong vụ án, quan điểm đại diện Viện kiểm sát. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Đối với bà Phạm Thị Q, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị T có ủy quyền cho bà Phạm Thị H; đối với bà Dương Thị H1, ông Phạm Văn Ú và bà Nguyễn Thị D1 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung vụ án:** Các nguyên đơn gồm bà Q, bà M, bà T, bà L và bà H yêu cầu chia thừa kế diện tích của thửa đất 346 sau khi đã trừ khuôn viên khu mộ và lối đi vào mộ còn lại là 1.553,9m^2, tờ bản đồ số 09, loại đất ONT- CLN, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị N1 đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất; các nguyên đơn đồng ý giao đất cho bị đơn và xin được chia giá trị; đối với phần diện tích đất mộ và lối đi vào mộ diện tích 194,5m^2(tức phần B) cùng toàn bộ tài sản trên thửa đất 346 các nguyên đơn tự nguyện rút lại không yêu cầu giải quyết. Bị đơn cho rằng thửa đất 346 thuộc quyền sử dụng của bị đơn và không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Xét về nguồn gốc đất các bên đang tranh chấp: Phía các nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận thửa đất 346, tờ bản đồ số 09, loại đất ONT- CLN, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của ông Q1 và bà N1 hiện do bà N1 đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích của thửa đất 346 sau khi Nhà nước thu hồi một phần để mở lộ kết nối trung tâm thành phố T, huyện C, huyện C với quốc lộ F và quốc lộ E thì diện tích còn lại theo kết quả đo đạc của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện C là 1.748,4m^2. Căn cứ Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự tình tiết các bên đương sự thừa nhận là tình tiết không cần phải chứng minh.

Xét thấy: Thửa đất 346 hiện nay vẫn do bà Nguyễn Thị N1 đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất; ông Q1 và bà N1 là vợ chồng sống với nhau có tất cả những người con gồm ông T1, bà Q, bà M, bà T, bà L và bà H; ngoài ra thì không còn có riêng hay con nuôi nào khác; ông Q1 chết năm 1975, còn bà N1 chết năm 2015. Sau khi ông Q1 chết thì bà N1 là người trực tiếp quản lý thửa đất 346, sau khi bà N1 chết thì ông T1 là người trực tiếp quản lý sử dụng. Nay các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng diện tích 1.553,9m^2 thuộc một phần của thửa đất 346 là hoàn toàn có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận; công nhận diện tích 1.553,9m^2 thuộc thửa đất 346, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N1.

Bà N1 chết không để lại di chúc thì di sản của bà N1 được chia theo pháp luật cho các thừa kế cụ thể gồm ông T1, bà Q, bà M, bà T, bà L và bà H; tuy nhiên khi chia cũng cần xem xét sau khi bà N1 chết thì ông T1 là người trực tiếp quản lý

thửa đất 346, quá trình quản lý sử dụng đất thì ông có công tôn tạo như bơm cát, trồng cây trên đất và hiện ông là người đang thờ cúng ông Q1, do đó nên khi xem xét chia thì ông T1 phải được hưởng phần nhiều hơn so với bà Q, bà M, bà T, bà L và bà H là phù hợp quy định pháp luật.

Xét các nguyên đơn yêu cầu được nhận giá trị và giao đất cho bị đơn là có căn cứ; bởi lẻ hiện nay mâu thuẫn giữa các nguyên đơn với bị đơn rất gay gắt mà nếu như các nguyên đơn nhận đất thì không đảm bảo cho việc canh tác sử dụng, dễ dẫn đến vấn đề xô sát gây mất trật tự tại địa phương; do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nhận giá trị của các nguyên đơn.

Xét lời trình bày của ông T1 cho rằng thửa đất 346 thuộc quyền sử dụng của ông vì khi còn sống là bà N1 đã cho ông mà chưa làm thủ tục sang tên nhưng có làm giấy ủy quyền được địa phương xác nhận nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của các nguyên đơn. Lời nại ra của ông T1 là hoàn toàn không có căn cứ; bởi lẽ căn cứ vào tờ giấy ủy quyền mà phía ông T1 cung cấp thì nội dung tờ giấy ủy quyền này chỉ thể hiện việc bà N1 ủy quyền cho ông T1 mục đích để vay vốn Ngân hàng chứ không phải cho ông T1 thửa đất 346 như là ông T1 trình bày.

Cụ thể giá trị phần đất được tính như sau: Căn cứ kết quả định giá ngày 20 tháng 4 năm 2023 thì giá đất là 1.000.000đồng/m^2 x 1.553,9m^2 thành tiền là 1.553.900.000đồng; trừ ra tiền giá trị cát mà ông T1 đầu tư là 21.000.000đồng. Giá trị đất còn lại là 1.532.900.000đồng; số tiền này sẽ được chia ra thành 07 kỷ phần, mỗi kỷ phần thành tiền là 218.985.000đồng, ông T1 được hưởng giá trị đất của 02 kỷ phần quy ra thành tiền là 437.970.000đồng và ông T1 có nghĩa vụ giao lại cho bà Q, bà M, bà T, bà L và bà H mỗi người số tiền 218.985.000đồng tương đương 01 kỷ phần.

Đối với tài sản trên đất gồm có căn nhà tình nghĩa của bà N1; căn nhà do ông Ú (con của ông T1) xây dựng cho ông T1 cùng vợ và các con đang ở; cùng một số cây trồng trên đất gồm dừa, cau, vú sữa, mít, quách …. Các nguyên đơn rút lại không yêu giải quyết chia tài sản trên đất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với phần khu mộ và lối đi vào mộ diện tích là 194,5m^2 (tức phần B) thuộc thửa đất 346, tờ bản đồ số 09, loại đất ONT- CLN, tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Các nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu chừa lối đi vào mộ diện tích 315,7m^2 (tức phần C) thuộc thửa đất 346, tờ bản đồ số 09, loại đất ONT- CLN, tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh của bị đơn; xét thấy yêu cầu này của bị đơn không được chấp nhận do lối đi này không phải là lối đi vào mộ trước đây và không thuận tiện mà chiếm diện tích đất rất nhiều.

Đối với yêu cầu của ông Phạm Văn Chí L1 yêu cầu các nguyên đơn bồi thường công sức tôn tạo với số tiền 3.240.000.000đồng; nhưng do ông L1 không thực hiện thủ tục khởi kiện và nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị H có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí thẩm định, định giá và án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp miễn nộp hoặc không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 244, 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 468, 609, 611, 612, 613, 623, 649 và Điều 651 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Phạm Thị Q, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị H..

Công nhận diện tích đất 1.553,9m^2 (tức phần A và phần C) của thửa đất 346, tờ bản đồ số 09, loại đất ONT- CLN, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N1..

(Vị trí đất được thể hiện theo kết quả đo đạc của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện C tại Công văn số 84/CNHCL ngày 07 tháng 3 năm 2023 và sơ đồ khu đất kèm theo).

2. Công nhận cho ông Phạm Văn T1 được quyền tiếp tục quản lý sử dụng diện tích 1.553,9m^{2}của thửa đất 346, tờ bản đồ số 09, loại đất ONT- CLN, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh cùng tài sản trên đất.

Buộc ông Phạm Văn T1 có nghĩa vụ giao cho bà Phạm Thị Q, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị H mỗi bà số tiền 218.985.000đồng (Hai trăm mười tám triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đối với phần khu mộ và lối đi vào mộ diện tích 194,5m^2 (tức phần B) của thửa đất 346, tờ bản đồ số 09, loại đất ONT- CLN, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh và đối với tài sản trên thửa đất 346; do các nguyên đơn tự nguyện rút

lại yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của các nguyên đơn.

4. Đề nghị Văn phòng Đ1 Chi nhánh huyện C làm thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Phạm Văn T1 diện tích đất được công nhận như đã nêu trên.

5. Để đảm bảo Thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật, các bên giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp. Nghiêm cấm đào phá, hủy hoại làm thay đổi diện tích đất, không được chuyển nhượng hoặc thực hiện bất kỳ hình thức các giao dịch dân sự có liên quan diện tích đất tranh chấp khi chưa được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

6. Chi phí thẩm định, đo đạc và định giá: Là 6.166.000đồng (Sáu triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Các nguyên đơn và bị đơn mỗi người có nghĩa vụ chịu số tiền 1.027.600đồng; số tiền 6.166.000đồng các nguyên đơn (bà Q, bà M, bà T, bà L và bà H) đã nộp tạm ứng trước và đã chi phí xong, nên số tiền 1.027.600đồng thu được từ bị đơn (ông T1) sẽ được hoàn trả cho các nguyên đơn.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các nguyên đơn gồm bà Phạm Thị Q, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị H mỗi bà có nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm với số tiền là 10.949.000đồng (Mười triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Đối với bà Phạm Thị Q do thuộc diện người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên được miễn nộp án phí sơ thẩm, do dó bà không phải nộp.

Đối với số tiền 4.020.000đồng (Bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2020/0010708 nộp ngày 14 tháng 10 năm 2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu được khấu trừ vào số tiền án phí mà bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ chịu, còn lại các bà tiếp tục nộp.

Ông Phạm Văn T1 có nghĩa vụ nộp số tiền 21.518.000đồng (Hai mươi mốt triệu năm trăm mười tám nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng do ông T1 thuộc diện người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên được miễn nộp án phí sơ thẩm, do dó ông không phải nộp.

"Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết".

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện C;
- Chi cục THADS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh